TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẾN CẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 15-4-2021
V/v tranh chấp HNGĐ về ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trang Thái Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thanh Sơn,

2. Ông Nguyễn Văn Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy An – Thư ký Toà án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thảo Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 334/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2020 về việc "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đua vụ án và xét xử số: 08/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 nào 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2021/QĐST-HNGĐ 11gay 09 tháng 4 năm 2021 giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Cao Thùy N, sinh năm 1977. Vắng mặt.

Địa chỉ cư trú: B, xã T, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Anh D, sinh năm 1973. Vắng mặt.

Địa chỉ cư trú: B, xã T, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/11/2020 và trong quá trình làm việc, nguyên đơn Bà Cao Thùy N đã khai:

Bà N và ông Huỳnh Anh D trên cơ sở tìm hiểu với nhau trong một thời gian ngắn thì tiến đến hôn nhân vào năm 2006, có đăng ký kết hôn và được UBND xã T,

huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 84 ngày 12 tháng 7 năm 2006, Vợ chồng chung sống hạnh phúc được vài năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông D không chăm lo làm ăn, không quan tâm chăm sóc gia đình mà thường hay uống rượu; ham mê chơi số đề, lấy tài sản gia đình đem cầm cố để đánh bạc và gây ra nợ; nhung vì thương con và lo cho gia đình, bà cố gắng khuyên can ông D hết lần này đến lần khác nhưng ông D không thay đổi nên vợ chồng ly thân từ tháng 9/21019 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hòa giải, hàn gắn và thời gian ly thân đã lâu nên bà yêu cầu ly hôn với ông Huỳnh Anh D.

Về con chung: Bà và ông D có hai con chung tên Huỳnh Long N, sinh ngày 02/8/2007 và Huỳnh T, sinh ngày 13/10/2010, hiện đang chung sống với bà. Ngoài ra không còn con chung, con nuôi nào khác. Bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N và cháu T, không yêu cầu ông D phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Bà và ông D không có nợ chung.

Bị đơn là ông Huỳnh Anh D đã được Tòa án tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng ông D vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt là đúng theo qui định pháp luật. Bị đơn đã được tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do là chưa chấp hành và chưa thực hiện đúng về quyền và nghĩa vụ tố tụng. Về thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát thì vi phạm theo qui định tại khoản 2 Điều 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Viện kiểm sát sẽ tập hợp kiến nghị rút kinh nghiệm.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 56, 58, 71, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Cao Thùy N đối với ông Huỳnh Anh D.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật; ông D không phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp và qua kết quả thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bà Cao Thùy N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu giải quyết hôn nhân giữa bà N với ông Huỳnh Anh D, ông D có nơi cư trú tại huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu theo qui định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Trong quá trình giải quyết, bà N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó căn cứ khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bà N là đúng qui định. Đối với ông Huỳnh Anh D đã được Tòa án cấp, tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt ông D là đúng qui định.

[2] Về hôn nhân: Bà Cao Thùy N và ông Huỳnh Anh D kết hôn vào năm 2006, có đăng ký kết hôn và được UBND xã T, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 84 ngày 12 tháng 7 năm 2006 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình làm việc, bà N cho rằng mâu thuẫn vợ chồng là do ông D không chăm lo làm ăn, không quan tâm chăm sóc gia đình mà thường hay uống rượu; ham mê chơi số đề, lấy tài sản gia đình đem cầm cố để đánh bạc và gây ra nợ. Quá trình làm việc, Tòa án đã tổ chức hòa giải nhưng ông D không đến là không thể hiện thiện chí hòa giải. Mặt khác, tại các biên bản xác minh tại địa phương ngày 09/11/2020 và 14/01/2021 thể hiện, nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng bà N, ông D xảy khoảng 02 năm, nguyên nhân là do ông D thường xuyên uống rượu, tham gia đánh bạc gây nợ nhiều lần. Lời khai của bà N về mâu thuẫn gia đình phù hợp với lời khai người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập. Do đó có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng bà N và ông D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà N đối với ông D là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Theo tài liệu do bà N cung cấp, thể hiện bà N và ông D có hai con chung tên Huỳnh Long N, sinh ngày 02/8/2007 và Huỳnh T, sinh ngày 13/10/2010, hiện đang chung sống với bà N. Bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N và cháu T, không yêu cầu ông D phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét nguyện vọng của cháu N và cháu T: Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/12/2020 thể hiện: "Từ ngày cha mẹ ly thân, mẹ là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, các cháu có nguyện vọng tiếp tục sống chung với mẹ".

- Qua xác minh thể hiện, từ ngày ly thân, bà N là người chăm sóc con chung, đảm bảo quyền học tập, điều kiện về vật chất cho cháu N và cháu T. Do đó cần tiếp tục giao cháu N và cháu T cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với qui định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu N, cháu T.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà N không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà N là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bà N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật; ông D không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 71, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Cao Thùy N đối với ông Huỳnh Anh D. Bà N được ly hôn với ông D.

2. Về con chung: Giao con chung tên Huỳnh Long N, sinh ngày 02/8/2007 và Huỳnh T, sinh ngày 13/10/2010 cho bà Cao Thùy N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Huỳnh Anh D được quyền thăm nom con chung, bà N và các thành viên trong gia đình không được cản trở ông D trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Ghi nhận bà N không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà N không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Bà Cao Thùy N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, cho khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số:

0014501 ngày 02 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Ông Huỳnh Anh D không phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Bà Cao Thùy N và ông Huỳnh Anh D có quyền kháng cáo theo trình tự thủ tục phúc thẩm lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp pháp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- C.c THADS huyện Bến Cầu;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trang Thái Châu